

QUỐC HỘI
Số: Không số

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 21 tháng 12 năm 1985

PHÁP LỆNH

TỔ CHỨC TOÀ ÁN QUÂN SỰ

Căn cứ vào Điều 100 và các Điều từ 127 đến 137 của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ vào Luật tổ chức Toà án nhân dân;

Căn cứ vào nhiệm vụ và tổ chức của Quân đội nhân dân Việt Nam;

Pháp lệnh này quy định về tổ chức các Toà án quân sự.

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1

Các Toà án quân sự là những cơ quan xét xử thuộc hệ thống Toà án nhân dân nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, được tổ chức trong quân đội nhân dân.

Trong phạm vi chức năng của mình, các Toà án quân sự có nhiệm vụ góp phần bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa và quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, bảo vệ an ninh quốc phòng, kỷ luật của quân đội, bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa, bảo đảm sự tôn trọng tính mạng, tài sản, tự do, danh dự, nhân phẩm của quân nhân, công nhân, viên chức quốc phòng và của các công dân khác.

Bằng hoạt động của mình, các Toà án quân sự góp phần giáo dục cán bộ, chiến sĩ và công nhân, viên chức quốc phòng chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật, điều lệnh của quân đội và những quy tắc của cuộc sống xã hội chủ nghĩa, phòng ngừa và chống các tội phạm và các vi phạm pháp luật.

Điều 2

Các Toà án quân sự gồm có:

- Toà án quân sự cấp cao;

- Các Toà án quân sự quân khu và cấp tương đương;
- Các Toà án quân sự khu vực.

Điều 3

Các Toà án quân sự có thẩm quyền xét xử những vụ án hình sự mà bị cáo là:

- 1- Quân nhân tại ngũ, công nhân, viên chức quốc phòng, quân nhân dự bị trong thời gian tập trung huấn luyện hoặc kiểm tra tình trạng sẵn sàng chiến đấu, dân quân tự vệ phối thuộc chiến đấu với quân đội và những người khác được trưng tập làm nhiệm vụ quân sự do các đơn vị quân đội trực tiếp quản lý;
- 2- Thường dân phạm tội có liên quan đến bí mật quân sự hoặc gây thiệt hại nghiêm trọng cho quân đội;
- 3- Những người khác được pháp luật quy định thuộc thẩm quyền xét xử của Toà án quân sự.

Điều 4

Trong trường hợp vụ án vừa có bị cáo hoặc tội phạm thuộc thẩm quyền xét xử của Toà án quân sự vừa có bị cáo hoặc tội phạm thuộc thẩm quyền xét xử của Toà án nhân dân thì Toà án quân sự xét xử toàn bộ vụ án. Nếu có thể tách ra để xét xử riêng thì Toà án quân sự và Toà án nhân dân xét xử những bị cáo và tội phạm thuộc thẩm quyền của mình.

Điều 5

Đối với những người không còn phục vụ trong lực lượng vũ trang nhân dân mà phát hiện tội phạm của họ trong thời gian phục vụ, thì Toà án quân sự xét xử những tội phạm có liên quan đến bí mật quân sự hoặc gây thiệt hại nghiêm trọng cho quân đội; những tội phạm khác do Toà án nhân dân xét xử.

Đối với những người đang phục vụ trong lực lượng vũ trang nhân dân, nếu phát hiện những tội phạm xảy ra trước khi nhập ngũ thì Toà án quân sự xét xử những tội phạm có liên quan đến bí mật quân sự hoặc gây thiệt hại nghiêm trọng cho quân đội; những tội phạm khác do Toà án nhân dân xét xử.

Điều 6

Trước Toà án quân sự, quyền bào chữa của bị cáo được bảo đảm. Bị cáo có thể tự bào chữa hoặc nhờ luật sư, hay là bào chữa viên nhân dân bào chữa cho mình. Trong những trường hợp do pháp luật quy định, Toà án quân sự chỉ định người bào chữa cho bị cáo.

Các đương sự khác có quyền nhờ luật sư bảo vệ quyền lợi hợp pháp của mình.

Điều 7

Hội thẩm quân nhân tham gia xét xử ở Toà án quân sự theo quy định của pháp luật. Khi xét xử, hội thẩm quân nhân ngang quyền với thẩm phán.

Điều 8

Toà án quân sự xét xử tập thể và quyết định theo đa số.

Điều 9

Khi xét xử, thẩm phán và hội thẩm quân nhân độc lập và chỉ tuân theo pháp luật.

Điều 10

Bị cáo và các đương sự khác có quyền kháng cáo và Viện kiểm sát quân sự có quyền kháng nghị, theo quy định của pháp luật, đối với những bản án và quyết định sơ thẩm của Toà án quân sự, trừ trường hợp Toà án quân sự xét xử sơ thẩm đồng thời chung thẩm. Bản án và quyết định phúc thẩm là chung thẩm.

Điều 11

Chánh án Toà án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao có quyền kháng nghị, theo thủ tục giám đốc thẩm, đối với những bản án và quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Toà án quân sự các cấp, khi thấy có vi phạm pháp luật.

Chánh án Toà án quân sự cấp trên, Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự cấp trên có quyền kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, đối với những bản án và quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Toà án quân sự cấp dưới, khi thấy có vi phạm pháp luật.

Điều 12

Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao có quyền kháng nghị theo thủ tục tái thẩm đối với những bản án và quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Toà án quân sự các cấp khi phát hiện có tình tiết mới.

Điều 13

Những bản án và quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Toà án quân sự phải được các thủ trưởng đơn vị lực lượng vũ trang, các cơ quan Nhà nước, các tổ chức xã hội và mọi công dân tôn trọng.

Trong phạm vi chức năng của mình, các trại giam, các chấp hành viên và các cơ quan hữu quan khác phải nghiêm chỉnh chấp hành những bản án, quyết định của Toà án quân sự và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thi hành nhiệm vụ đó.

Bản án tử hình của Toà án quân sự chỉ được thi hành nếu không có kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm. Nếu người bị án tử hình xin ân giảm thì bản án được thi hành sau khi Hội đồng Nhà nước đã bác đơn xin ân giảm.

Điều 14

Bộ trưởng Bộ Tư pháp phối hợp chặt chẽ với Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và Chánh án Toà án nhân dân tối cao trong việc quản lý về mặt tổ chức các Toà án quân sự quân khu và cấp tương đương, và các Toà án quân sự khu vực.

Điều 15

Khi có chiến tranh, tổ chức, thẩm quyền và thủ tục xét xử của Toà án quân sự do Hội đồng Nhà nước quyết định, theo đề nghị của Chánh án Toà án nhân dân tối cao sau khi đã thống nhất ý kiến với Bộ trưởng Bộ Tư pháp và Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

CHƯƠNG II

NHIỆM VỤ, THẨM QUYỀN VÀ TỔ CHỨC CỦA TOÀ ÁN QUÂN SỰ CÁC CẤP

MỤC 1

TOÀ ÁN QUÂN SỰ CẤP CAO

Điều 16

Toà án quân sự cấp cao là một Toà án thuộc Toà án nhân dân tối cao.

Toà án quân sự cấp cao có Chánh án, các Phó Chánh án, các thẩm phán và hội thẩm quân nhân.

Điều 17

1- Toà án quân sự cấp cao có thẩm quyền:

a) Sơ thẩm đồng thời chung thẩm những vụ án đặc biệt nghiêm trọng, phức tạp; những vụ án mà bị cáo là thiếu tướng hoặc là người có chức vụ từ chỉ huy trưởng sư đoàn, cục trưởng và

cấp tương đương trở lên; những vụ án thuộc thẩm quyền của Toà án quân sự quân khu và cấp tương đương nhưng Toà án quân sự cấp cao lấy lên để xét xử;

b) Phúc thẩm những bản án và quyết định sơ thẩm của các Toà án quân sự quân khu và cấp tương đương;

c) Giám đốc thẩm hoặc tái thẩm những bản án và quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Toà án quân sự quân khu và cấp tương đương.

2- Toà án quân sự cấp cao giám đốc việc xét xử của các Toà án quân sự cấp dưới.

Điều 18

Ủy ban thẩm phán Toà án nhân dân tối cao giám đốc thẩm hoặc tái thẩm những bản án và quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Toà án quân sự cấp cao.

Điều 19

Toà án quân sự cấp cao căn cứ vào những nghị quyết, chỉ thị của Hội đồng thẩm phán và của Ủy ban thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn cụ thể các Toà án quân sự cấp dưới áp dụng thống nhất pháp luật và đường lối xét xử; tổng kết kinh nghiệm xét xử của các Toà án quân sự.

Khi thực hiện những nhiệm vụ nói trên, tập thể Chánh án, các Phó Chánh án và các thẩm phán Toà án quân sự cấp cao thảo luận và quyết định theo đa số, và báo cáo với Ủy ban thẩm phán Toà án nhân dân tối cao.

Điều 20

Nhiệm vụ và quyền hạn của Chánh án Toà án quân sự cấp cao là:

1- Tổ chức hoạt động của Toà án quân sự cấp cao;

2- Tổ chức các hội đồng xét xử;

3- Chủ tọa phiên toà, khi xét thấy cần thiết;

4- Kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với những bản án và quyết định đã có hiệu lực pháp luật của các Toà án quân sự cấp dưới; tạm đình chỉ việc thi hành án, nếu xét thấy cần thiết;

5- Tổ chức việc kiểm tra công tác xét xử của các Toà án quân sự cấp dưới;